

2026年度 募集要項概要 THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2026

Iwatani

1. 募集学科 Số lượng tuyển sinh

学 科 名 Khóa học	入 学 期 Khai giảng	修業年限 Thời gian học	募集人員 Số HS tiếp nhận	出願期間 Thời hạn nộp hồ sơ
日本語科 進学2年コース Khóa tiếng Nhật 2 năm	4 月 Tháng 4	2 年 2 năm	20 名	9月1日~11月10日 Từ ngày 1 tháng 9 đến ngày 10 tháng 11
日本語科 進学1.5年コース Khóa tiếng Nhật 1.5 năm	10 月 Tháng 10	1.5 年 1.5 năm	20 名	4月1日~5月30日 Từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 5
日本語科 進学1年コース Khóa tiếng Nhật 1 năm	4 月 Tháng 4	1 年 1 năm	20 名	9月1日~11月10日 Từ ngày 1 tháng 9 đến ngày 10 tháng 11

2. 学費・教材費等 Học phí và các chi phí khác (dự toán)

選考料 Phí xét tuyển là : 20,000 JPY

〈日本語科 進学2年コース〉 Khóa tiếng Nhật 2 năm

	入 学 金 Tiền nhập học	授 業 料 Tiền học phí	施 設 費 Tiền thiết bị	教材費等 Tiền giáo trình	学費等合計 Tổng số tiền
1年次 Năm thứ 1	100,000 JPY	480,000 JPY	60,000 JPY	60,000 JPY	700,000 JPY
2年次 Năm thứ 2		480,000 JPY	60,000 JPY	60,000 JPY	600,000 JPY

学費等納入時期 Thời gian nộp học phí	入学前3月15日迄 đến 15 tháng 3, 2026	1年次 2月末 đến 28 tháng 2, 2027	2年次 8月末 đến 31 tháng 8, 2027	2年間学費合計 Tổng số tiền 2 năm
4月入学 (2年) Nhập học tháng 4	700,000 JPY	330,000 JPY	270,000 JPY	1,300,000 JPY

〈日本語科 進学1.5年コース〉 Khóa tiếng Nhật 1.5 năm

	入 学 金 Tiền nhập học	授 業 料 Tiền học phí	施 設 費 Tiền thiết bị	教材費等 Tiền giáo trình	学費等合計 Tổng số tiền
1年次 Năm thứ 1	100,000 JPY	480,000 JPY	60,000 JPY	60,000 JPY	700,000 JPY
2年次 Năm thứ 2		240,000 JPY	30,000 JPY	34,500 JPY	304,500 JPY

学費等納入時期 Thời gian nộp học phí	入学前9月15日迄 đến 15 tháng 9, 2026	2年次 8月末 đến 31 tháng 8, 2027		1年半学費合計 Tổng số tiền 1.5 năm
10月入学 (1.5年) Nhập học tháng 10	700,000 JPY	304,500 JPY		1,004,500 JPY

〈日本語科 進学1年コース〉 Khóa tiếng Nhật 1 năm

	入 学 金 Tiền nhập học	授 業 料 Tiền học phí	施 設 費 Tiền thiết bị	教材費等 Tiền giáo trình	学費等合計 Tổng số tiền
1年次 Năm thứ 1	100,000 JPY	480,000 JPY	60,000 JPY	66,000 JPY	706,000 JPY

学費等納入時期 Thời gian nộp học phí	入学前3月15日迄 đến 15 tháng 3, 2026			1年間学費合計 Tổng số tiền 1 năm
4月入学 (1年) Nhập học tháng 4	706,000 JPY			706,000 JPY

3. 寮費 (2026) Tiền ký túc xá

12か月契約 Hợp đồng 12 tháng (光熱費込み bao gồm tiền điện nước)

	12 か月分 (12 tháng)	その他費用 Các chi phí khác	合計 Tổng
寮費 Tiền ký túc xá 2人～4人1室 Phòng 2～4 người	360,000 JPY (30,000*12)	入寮時:設備等維持費 20,000 円、入寮費 10,000 円 Khi vào sống tại ký túc xá: Phí bảo trì ký túc xá 20,000JPY, Phí nhập ký túc xá 10,000JPY	390,000 JPY

※当校は全寮制です。Trường chúng tôi là trường nội trú.

4. 授業日・授業時間 Ngày học và thời gian học

授 業 日 : 月曜日～金曜日 (2 部制) 受講クラスはレベルチェックの結果等に基づき決定します。

Từ thứ 2 đến thứ 6 (2 buổi) Các lớp được xếp dựa trên kết quả kiểm tra năng lực

授 業 時 間 : 午前クラス Lớp buổi sáng 8:50～12:00

午後クラス Lớp buổi chiều 13:50～17:00

5. 入学資格 Tư cách nhập học

- (1) 外国において、学校教育における12年の課程を修了した者、または それに準ずる者

Là các đối tượng học sinh người nước ngoài đã hoặc đang chuẩn bị hoàn thành chương trình giáo dục phổ thông 12 năm.

- (2) 日本語を勉強する意志と学習能力を有すること Những học sinh có ý chí và đủ năng lực học tiếng Nhật.

【日本語科 進学2年コース】原則としてN5以上に合格していること (Về nguyên tắc là những người có trình độ N5 trở lên)

【日本語科 進学1.5年コース】原則としてN4以上に合格していること (Về nguyên tắc là những người có trình độ N4 trở lên)

【日本語科 進学1年コース】原則としてN2以上に合格していること (Về nguyên tắc là những người có trình độ N2 trở lên)

6. 出願の手続き Thủ tục nộp hồ sơ

- (1) 選考料 Phí xét tuyển là : 20,000 JPY

- (2) 経費支弁者は、留学滞在学費と生活費に相当する金額の預金を有すること (約 2 万USドル)

Người trợ cấp tài chính phải có số tiền gửi ngân hàng đủ để trả tiền học phí và chi phí sinh hoạt trong thời gian du học. (khoảng 20,000 USD)

詳細は学校までお問い合わせください。または学校ホームページをご参照ください。

各種出願書類もダウンロードにより取得可能です。

Thông tin chi tiết xin vui lòng liên hệ trực tiếp đến trường, hoặc tham khảo trên website của trường.

Các hồ sơ dự tuyển có thể download trên website.

- (3) 出願期間 Thời hạn nộp hồ sơ

4月入学 Khóa tháng 4: 9月1日から11月10日まで Từ ngày 1 tháng 9 đến ngày 10 tháng 11

10月入学 Khóa tháng 10: 4月1日から5月30日まで Từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 5

入国管理局への「在留資格認定証明書交付申請」は、全て本校が代理申請します。

Trường sẽ đại diện nộp tất cả các hồ sơ xin “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú” tại Cục quản lý xuất nhập cảnh của Nhật.

- (4) 入国管理局に在留資格申請を行ってから、審査結果の発表まで2か月以上かかります。

審査結果が発表され次第、本人または代理人に連絡します。

Thời gian kiểm tra hồ sơ xin “Giấy chứng nhận tư cách lưu trú” tại Cục quản lý xuất nhập cảnh khoảng trên 2 tháng kể từ ngày nộp hồ sơ.

Nhà trường sẽ thông báo kết quả đến từng ứng viên hoặc cho người đại diện của ứng viên đó.

学校法人 岩谷学園 岩谷学園ひがし北海道日本語学校

IWATANI HIGASHI HOKKAIDO JAPANESE LANGUAGE SCHOOL

〒088-2685 北海道標津郡中標津町字西竹1285-3

1285-3 aza-Nishitake, Nakashibetsu-cho, Shibetsu-gun, HOKKAIDO JAPAN 0882685

URL : <http://icb-nihongo.jp/page/higashihokkaido> <https://www.facebook.com/IwataniHigashiHokkaido>

入学問合せ Liên hệ nhập học TEL : +81(0)153-78-1022 E-mail : iwatani-nn-jls@icb.ac.jp

